

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN HẢI  
Tỉnh Thái Bình**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 27/4/2021

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Linh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Hiếu.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Tiền Hải.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải tham gia phiên tòa:* Ông  
Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh  
Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLST- HNGĐ  
ngày 17/12/2020 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa  
vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXX- ST ngày 16/3/2021 và Quyết định hoãn phiên  
tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

( Chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn, đơn xin xét xử vắng mặt và quá trình tố tụng tại Tòa án,*  
*nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:* Chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự  
nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình  
ngày 14/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T chung sống hạnh phúc được 04  
năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống.  
Từ đầu năm 2020 cho đến nay chị T và anh P sống ly thân. Nay xác định tình cảm  
vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết  
cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị T và anh P có một con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 10/3/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung của chị T và anh P đang sống cùng anh P và học tại Trường Tiểu học xã H. Sau khi ly hôn chị T đồng ý để con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh P không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

*Tại bản tự khai, bị đơn là anh Trần Văn P trình bày:* Anh P và chị T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 14/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị T bỏ nhà đi và không chung sống cùng anh hơn một năm nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh P, quan điểm của anh P xin đoàn tụ.

Về con chung: Anh P và chị T có một con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 10/3/2013. Nếu phải ly hôn anh P xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P

Về tài sản chung, công nợ: Anh P và chị T không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 03/3/2021, Ủy ban nhân dân xã H, huyện H cung cấp như sau: Anh Trần Văn P và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau ngày 14/02/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình và có một con chung là Trần Khánh D, sinh năm 2013. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị T, chính quyền địa phương không nắm rõ nhưng chị T hiện tại không chung sống cùng anh P tại xã H. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trần Văn P; về con chung: Giao con chung Trần Khánh D, sinh ngày 10/3/2013 cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng; về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]. Về tố tụng:** Bị đơn anh Trần Văn P có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Bùi Thị T và anh Trần Văn P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

**[2]. Về nội dung:**

**[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 14/02/2012. Tại thời điểm kết hôn chị T và anh P đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh P chung sống hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, từ đầu năm 2020 cho đến nay chị T và anh P không chung sống cùng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh P vì tình cảm vợ chồng không còn. Quan điểm của anh P xin đoàn tụ. Xét thấy, Anh P xin đoàn tụ nhưng anh P không đến Tòa án tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa, anh P cũng không đưa ra được các biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng trở về đoàn tụ, mặt khác chị T và anh P không chung sống cùng nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**[2.2]. Về con chung:** Chị T và anh P có một con chung là Trần Khánh D, sinh ngày 10/3/2013. Anh P có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh P, chị T cũng đồng ý để con chung cho anh P nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung của chị T và anh P là cháu Trần Khánh D đang sống cùng anh P, nguyện vọng của cháu Duy xin được ở với bố, cả chị T và anh P đều không có tranh chấp về việc nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Khánh D. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

**[2.3]. Về tài sản chung, công nợ:** Không có.

**[2.4]. Về án phí:** Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[2.5]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trần Văn P.

2/ Về con chung: Giao cho anh Trần Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Khánh D, sinh ngày 10/3/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác

Chị Bùi Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung, công nợ: Không có.

4/ Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0002015 ngày 17/12/2020.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Chu Thị Linh**